

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 315 /QĐ-UEF ngày 25/04/2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM)

Tên chương trình : *Cử nhân ngành Luật kinh tế*  
Trình độ đào tạo : *Đại học*  
Ngành đào tạo : *Luật kinh tế*  
Mã ngành : *52380107*

### I. Mục tiêu đào tạo

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo cử nhân đại học luật kinh tế có nhân cách, đạo đức và sức khỏe tốt; Nắm vững những kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lãnh vực pháp luật quốc tế, trên cơ sở kiến thức về kinh tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể làm việc ở các doanh nghiệp, chính phủ hay tổ chức nghiên cứu và tư vấn.

### II. Chuẩn đầu ra

#### 1. Kiến thức

- Đào tạo cử nhân Luật có kiến thức chuyên sâu về Luật kinh tế trong môi trường kinh tế thị trường, có kiến thức để vận dụng các quy định của pháp luật trong hoạt động doanh nghiệp.
- Nhận biết được các cơ hội và thách thức trong hoạt động hành nghề Luật của doanh nghiệp.

#### 2. Kỹ năng

- Có các kỹ năng cần thiết để phân tích và nhận diện hoạt động chủ yếu và chi tiết của ngành Luật Kinh tế trong hoạt động của các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực.
- Có các kỹ năng cần thiết để thực hiện việc áp dụng pháp luật
- Có khả năng làm việc dưới áp lực cao trong môi trường kinh doanh năng động.
- Có kỹ năng nghiên cứu, cập nhật, kỹ năng làm việc nhóm.
- Có các kỹ năng cần thiết để hỗ trợ trong quá trình làm việc sau khi ra trường.

#### 3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân.
- Có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc.
- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.
- Tinh thần làm việc hợp tác.
- Tích cực tham gia, sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao.
- Cầu tiến, thiện ý học hỏi.



#### 4. Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học:

Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên cần phải có các loại chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hoặc 02 chứng chỉ Tin học ứng dụng do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM sát hạch.
- Chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Anh tương đương B1 theo khung Châu Âu (do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM cấp) hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5.

#### 5. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận

- Sinh viên chuyên ngành Luật Kinh tế sau khi tốt nghiệp sẽ có khả năng giải quyết các vấn đề về Pháp luật quy định cụ thể cho hoạt động của cá nhân và của doanh nghiệp như: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia vào các hoạt động pháp lý trong lĩnh vực kinh tế, kịp thời cập nhật, cố vấn, thực hiện các công tác pháp lý theo đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh.
- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các hiệp hội ngành nghề cũng như các tổ chức nghiên cứu sâu về Luật kinh tế.

### III. Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo trung bình là 3,5 năm.

Thời gian đào tạo tối đa được thực hiện theo quy chế đào tạo.

### IV. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Khối lượng kiến thức toàn khoá là **145 tín chỉ** (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

### V. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### VI. Chương trình đào tạo:

| STT                   | Mã MH    | Tên học phần | Số tín chỉ |    |       |       | Mã môn học trước |
|-----------------------|----------|--------------|------------|----|-------|-------|------------------|
|                       |          |              | Tổng       | LT | TH/TT | ĐA MH |                  |
| I.KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG |          |              |            |    |       |       |                  |
| I.1. Khoa học         |          |              | 15         |    |       |       |                  |
| I.1.01                | MAT1103  | Toán cao cấp | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.02                | SOC1101  | Xã hội học   | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.03                | PHI1101  | Logic học    | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.04                | MGT1101E | Quản trị học | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.1.05                | PSY1101  | Tâm lý học   | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2. Ngoại ngữ        |          |              | 24         |    |       |       |                  |
| I.2.01                | ENG1101  | Tiếng Anh 1  | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2.02                | ENG1102  | Tiếng Anh 2  | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2.03                | ENG1103  | Tiếng Anh 3  | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2.04                | ENG1104  | Tiếng Anh 4  | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2.05                | ENG1105  | Tiếng Anh 5  | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2.06                | ENG1106  | Tiếng Anh 6  | 3          | 3  |       |       |                  |



| STT                              | Mã MH    | Tên học phần                               | Số tín chỉ |    |       |       | Mã môn học trước |
|----------------------------------|----------|--------------------------------------------|------------|----|-------|-------|------------------|
|                                  |          |                                            | Tổng       | LT | TH/TT | ĐA MH |                  |
| I.2.07                           | ENG1107  | Tiếng Anh 7                                | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.2.08                           | ENG1108  | Tiếng Anh 8                                | 3          | 3  |       |       |                  |
| <b>I.3. Tin học</b>              |          |                                            | <b>3</b>   |    |       |       |                  |
| I.3.01                           | ITE1201  | Tin học đại cương                          | 3          | 2  | 1     |       |                  |
| <b>I.4. Luật</b>                 |          |                                            | <b>3</b>   |    |       |       |                  |
| I.4.01                           | LAW1101  | Pháp luật đại cương                        | 3          | 3  |       |       |                  |
| <b>I.5. Chính trị</b>            |          |                                            | <b>10</b>  |    |       |       |                  |
| I.5.01                           | POL1101  | Những nguyên lý cơ bản CN Mac- Lê nin 1    | 2          | 2  |       |       |                  |
| I.5.02                           | POL1102  | Những nguyên lý cơ bản CN Mac- Lê nin 2    | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.5.03                           | POL1103  | Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam   | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.5.04                           | POL1104  | Tư tưởng Hồ Chí Minh                       | 2          | 2  |       |       |                  |
| <b>I.6. Kỹ năng</b>              |          |                                            | <b>6</b>   |    |       |       |                  |
| I.6.01                           | SKI1105  | Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm | 3          | 3  |       |       |                  |
| I.6.02                           | SKI1106  | Kỹ năng tổ chức và lãnh đạo                | 3          | 3  |       |       |                  |
| <b>TỔNG KHỐI GDĐC</b>            |          |                                            | <b>61</b>  |    |       |       |                  |
| <b>II.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b> |          |                                            |            |    |       |       |                  |
| <b>II.1. Kiến thức bắt buộc</b>  |          |                                            | <b>72</b>  |    |       |       |                  |
| II.1.01                          | ECO1101E | Kinh tế vi mô                              | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.02                          | ECO1102E | Kinh tế vĩ mô                              | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.03                          | LAW1104  | Luật Hành chính                            | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.04                          | LAW1103  | Những vấn đề chung về luật Dân sự          | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.05                          | LAW1108  | Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng        | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.06                          | LAW1102  | Luật hiến pháp Việt Nam                    | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.07                          | LAW1105  | Pháp luật tài sản và quyền sở hữu          | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.08                          | LAW1109  | Luật Hình sự                               | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.09                          | LAW1106  | Luật hợp đồng                              | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.10                          | LAW1110E | Luật Môi trường                            | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.11                          | LAW1113E | Luật lao động                              | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.12                          | LAW1111  | Luật thương mại                            | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.13                          | LAW1118E | Luật cạnh tranh                            | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.14                          | LAW1114  | Luật Đất đai                               | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.15                          | LAW1112  | Luật Tổ tụng Dân sự                        | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.16                          | LAW1115  | Luật Tổ tụng hình sự                       | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.17                          | LAW1119E | Luật sở hữu trí tuệ                        | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.18                          | LAW1117  | Luật thuế                                  | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.19                          | LAW1107  | Pháp luật về doanh nghiệp                  | 3          | 3  |       |       |                  |

VC  
 TRƯỜNG ĐẠI  
 HỌC TÀI C  
 HỒ CHÍ M  
 ★

| STT                           | Mã MH                                      | Tên học phần                                | Số tín chỉ |    |       |       | Mã môn học trước |
|-------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|----|-------|-------|------------------|
|                               |                                            |                                             | Tổng       | LT | TH/TT | ĐA MH |                  |
| II.1.20                       | LAW1116E                                   | Luật Quốc tế                                | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.1.21                       | LAW1331                                    | Thực tập tốt nghiệp                         | 6          |    | 6     |       |                  |
| II.1.22                       |                                            | Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:         |            |    |       |       |                  |
| II.1.22.01                    | LAW1432                                    | Chuyên đề tốt nghiệp                        | 6          |    |       | 6     |                  |
| II.1.22.02                    | LAW1433                                    | Khóa luận tốt nghiệp                        | 6          |    |       | 6     |                  |
| II.2.Kiến thức tự chọn        |                                            |                                             | 12         |    |       |       |                  |
|                               | Sinh viên chọn một trong các nhóm dưới đây |                                             |            |    |       |       |                  |
| II.2.1                        |                                            | Nhóm 1: Luật Kinh doanh                     |            |    |       |       |                  |
| II.2.1.01                     | LAW1120E                                   | Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp  | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.1.02                     | LAW1121E                                   | Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng     | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.1.03                     | LAW1122E                                   | Luật kinh doanh bảo hiểm                    | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.1.04                     | LAW1127E                                   | Pháp luật kinh doanh bất động sản           | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.2                        |                                            | Nhóm 2: Luật Thương mại quốc tế.            |            |    |       |       |                  |
| II.2.2.01                     | LAW1124E                                   | Tư pháp quốc tế                             | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.2.02                     | LAW1126E                                   | Luật WTO                                    | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.2.03                     | LAW1125E                                   | Luật Hợp đồng thương mại quốc tế            | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.2.04                     | LAW1123E                                   | Luật Hàng hải                               | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.3                        |                                            | Nhóm 3: Luật Tài chính ngân hàng            |            |    |       |       |                  |
| II.2.3.01                     | LAW1138E                                   | Luật ngân hàng                              | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.3.02                     | LAW1135E                                   | Luật tài chính                              | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.3.03                     | LAW1136E                                   | Luật chứng khoán                            | 3          | 3  |       |       |                  |
| II.2.3.04                     | LAW1137E                                   | Luật thuế quốc tế                           | 3          | 3  |       |       |                  |
| TỔNG KHỐI GDCN                |                                            |                                             | 84         |    |       |       |                  |
| III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY |                                            |                                             | 12         |    |       |       |                  |
| III.01                        |                                            | Giáo dục thể chất (chọn 1 trong 4 nhóm sau) | 4          |    | 4     |       |                  |
| III.1.1                       | Nhóm 1:                                    |                                             |            |    |       |       |                  |
| III.1.1.01                    | GYM1311                                    | GDTC - Aerobic 1                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.1.02                    | GYM1312                                    | GDTC - Aerobic 2                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.1.03                    | GYM1313                                    | GDTC - Aerobic 3                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.1.04                    | GYM1314                                    | GDTC - Aerobic 4                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.2                       | Nhóm 2:                                    |                                             |            |    |       |       |                  |
| III.1.2.01                    | GYM1321                                    | GDTC - Vovinam 1                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.2.02                    | GYM1322                                    | GDTC - Vovinam 2                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.2.03                    | GYM1323                                    | GDTC - Vovinam 3                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.2.04                    | GYM1324                                    | GDTC - Vovinam 4                            | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.3                       | Nhóm 3:                                    |                                             |            |    |       |       |                  |



| STT           | Mã MH   | Tên học phần                             | Số tín chỉ |    |       |       | Mã môn học trước |
|---------------|---------|------------------------------------------|------------|----|-------|-------|------------------|
|               |         |                                          | Tổng       | LT | TH/TT | ĐA MH |                  |
| III.1.3.01    | GYM1331 | GDTC - Boxing 1                          | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.3.02    | GYM1332 | GDTC - Boxing 2                          | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.3.03    | GYM1333 | GDTC - Boxing 3                          | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.3.04    | GYM1334 | GDTC - Boxing 4                          | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.4       | Nhóm 4: |                                          |            |    |       |       |                  |
| III.1.4.01    | GYM1341 | GDTC - Thể hình thẩm mỹ 1                | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.4.02    | GYM1342 | GDTC - Thể hình thẩm mỹ 2                | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.4.03    | GYM1343 | GDTC - Thể hình thẩm mỹ 3                | 1          |    | 1     |       |                  |
| III.1.4.03    | GYM1344 | GDTC - Thể hình thẩm mỹ 4                | 1          |    | 1     |       |                  |
| <b>III.02</b> | MIL1203 | Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết) |            |    |       |       |                  |

Ghi chú: Mã MH ký hiệu xxxxxxxxE – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.



TS. Nguyễn Thanh Giang



Chuyên ngành  
(Tự chọn)

| HK1                                                                                                                                                                                      | HK2                                                                                                             | HK3                                                                                                               | HK4                                                                                                           | HK5                                                                                                                            | HK6                                                                                                                                                                               | HK7                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <div>Ký hiệu sử dụng</div> <div><div>Tên môn học<br/>Mã môn (số tín chỉ)</div><div>Thông tin về môn học</div></div> <div>(E) Môn học giảng bằng tiếng Anh</div> <div>Môn học trước</div> |                                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                                               |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |
|                                                                                                                                                                                          | <div>Luật hành chính<br/>LAW1104 (3tc)</div>                                                                    | <div>Pháp luật về doanh nghiệp<br/>LAW1107 (3tc)</div>                                                            | <div>Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng<br/>LAW1108 (3tc)</div> <div>Luật thương mại<br/>LAW1111 (3tc)</div> | <div>(E) Luật môi trường<br/>LAW1110E (3tc)</div> <div>Luật đất đai<br/>LAW1114 (3tc)</div>                                    | <div>(E) Luật cạnh tranh<br/>LAW1118E (3tc)</div> <div>Luật hình sự<br/>LAW1109 (3tc)</div>                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |
| <div>Pháp luật đại cương<br/>LAW1101 (3tc)</div>                                                                                                                                         | <div>Kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm<br/>SKI1105 (3tc)</div>                                         | <div>(E) Kinh tế vi mô<br/>ECO1101E (3tc)</div> <div>Pháp luật về tài sản và quyền sở hữu<br/>LAW1105 (3tc)</div> | <div>(E) Kinh tế vĩ mô<br/>ECO1102E (3tc)</div> <div>Kỹ năng tổ chức và lãnh đạo<br/>SKI1106 (3tc)</div>      | <div>Đường lối cách mạng Đảng CSVN<br/>POL1103 (3tc)</div>                                                                     | <div>Những nguyên lý CN Mác Lênin 2<br/>POL1102 (3tc)</div>                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |
| <div>Tiếng Anh 1<br/>ENG1101 (3tc)</div>                                                                                                                                                 | <div>Tiếng Anh 5<br/>ENG1105 (3tc)</div>                                                                        | <div>(E) Quản trị học<br/>MGT1101E (3tc)</div>                                                                    |                                                                                                               |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |
| <div>Tiếng Anh 2<br/>ENG1102 (3tc)</div>                                                                                                                                                 | <div>Tiếng Anh 6<br/>ENG1106 (3tc)</div>                                                                        | <div>Giáo dục thể chất1 (1tc)</div>                                                                               | <div>Giáo dục thể chất3 (1tc)</div>                                                                           | <div>Tư tưởng HCM<br/>POL1104 (2tc)</div>                                                                                      | <div>Những nguyên lý CN Mác Lê nin 1<br/>POL1101 (2tc)</div>                                                                                                                      | <div>Thực tập tốt nghiệp<br/>LAW1331 (6tc)</div>                                                                                                                                                                                                                  |                                                                 |
| <div>Tiếng Anh 3<br/>ENG1103 (3tc)</div>                                                                                                                                                 | <div>Tiếng Anh 7<br/>ENG1107 (3tc)</div>                                                                        | <div>Giáo dục thể chất2 (1tc)</div>                                                                               | <div>Giáo dục thể chất4 (1tc)</div>                                                                           | <div>Xã hội học<br/>SOC1101 (3tc)</div>                                                                                        | <div>(E) Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng<br/>LAW1121E (3tc)</div> <div>(E) Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp<br/>LAW1120E (3tc)</div> <div>Luật kinh doanh</div> | <div>(E) Luật sở hữu trí tuệ<br/>LAW1119E (3tc)</div> <div>Luật tố tụng hình sự<br/>LAW1115 (3tc)</div> <div>(E) Pháp luật kinh doanh bất động sản<br/>LAW1127E (3tc)</div> <div>(E) Luật kinh doanh bảo hiểm<br/>LAW1122E (3tc)</div> <div>Luật kinh doanh</div> | <div>Chuyên đề /Khóa luận tốt nghiệp<br/>LAW1432/33 (6tc)</div> |
| <div>Tiếng Anh 4<br/>ENG1104 (3tc)</div>                                                                                                                                                 | <div>Tiếng Anh 8<br/>ENG1108 (3tc)</div>                                                                        | <div>Toán cao cấp<br/>MAT1103 (3tc)</div>                                                                         | <div>Logic học<br/>PHI1101 (3tc)</div>                                                                        | <div>Luật thuế<br/>LAW1117 (3tc)</div>                                                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |
| <div>Tâm lý học<br/>PSY1101 (3tc)</div>                                                                                                                                                  | <div>Tin học đại cương<br/>ITE1201 (3tc)</div>                                                                  | <div>Luật hợp đồng<br/>LAW1106 (3tc)</div>                                                                        | <div>Luật tố tụng dân sự<br/>LAW1112 (3tc)</div>                                                              |                                                                                                                                | <div>(E) Luật ngân hàng<br/>LAW1138E (3tc)</div> <div>(E) Luật chứng khoán<br/>LAW1136E (3tc)</div> <div>Luật tài chính ngân hàng</div>                                           | <div>(E) Luật thuế quốc tế<br/>LAW1137E (3tc)</div> <div>(E) Luật tài chính<br/>LAW1135E (3tc)</div> <div>Luật tài chính, ngân hàng</div>                                                                                                                         |                                                                 |
| <div>Luật hiến pháp VN<br/>LAW1102 (3tc)</div>                                                                                                                                           | <div>Những vấn đề chung về luật dân sự<br/>LAW1103 (3tc)</div> <div>Giáo dục quốc phòng<br/>MIL1203 (8tc)</div> | <div>(E) Luật lao động<br/>LAW1113E (3tc)</div>                                                                   | <div>(E) Luật quốc tế<br/>LAW1116E (3tc)</div>                                                                | <div>(E) Luật WTO<br/>LAW1126E (3tc)</div> <div>(E) Tư pháp quốc tế<br/>LAW1124E (3tc)</div> <div>Luật thông mại quốc tế</div> | <div>(E) Luật hợp đồng thông mại quốc tế<br/>LAW1125E (3tc)</div> <div>(E) Luật hàng hải<br/>LAW1123E (3tc)</div> <div>Luật thông mại quốc tế</div>                               |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |
| <div>* Học phần giáo dục thể chất chọn 1 trong 4 môn: Aerobic, Vovinam, Boxing, Thể hình thẩm mỹ</div>                                                                                   |                                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                                               |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |